

MÔ HÌNH TRUNG TÂM HỌC TẬP CỘNG ĐỒNG NGOÀI CÔNG LẬP CỦA MYANMAR VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

Nguyễn Duy Long

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Email: longnd@vnies.edu.vn

Article history

Received: 25/10/2022

Accepted: 15/11/2022

Published: 20/12/2022

Keywords

Community learning centre, non-public, Myanmar, community ownership

ABSTRACT

Community learning centres in Myanmar are seen as an effective model for implementing non-formal education to meet the needs of different audiences: children, young people and adults in the search for learning opportunities ranging from basic to vocational training, income generating programs and other life improvement programs. These community learning centres serve as a good learning hub where the disadvantaged can access activities tailored to their needs. It also contributes to creating positive changes in the community. The article presents Myanmar's model of non-public community learning centres by exploring the context of its birth; legal framework, policies; the management and administration, finance, facilities, equipment as well as teachers; learners; study programs; the coordinated participation of forces in the community and the assessment and recognition of learning outcomes. Consequently, some lessons have been drawn for the development of models of community educational institutions in Vietnam, including community learning centres.

1. Mở đầu

Vị trí của Trung tâm học tập cộng đồng (TTHTCĐ) được thể hiện rõ trong Quyết định số 10/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2014 ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của TTHTCĐ tại xã phường thị trấn (Bộ GD-ĐT, 2014). Theo đó, TTHTCĐ là cơ sở giáo dục thường xuyên trong hệ thống giáo dục quốc dân, là trung tâm học tập tự chủ của cộng đồng cấp xã, có sự quản lí, hỗ trợ của Nhà nước; đồng thời phải phát huy mạnh mẽ sự tham gia, đóng góp của nhân dân trong cộng đồng dân cư để xây dựng và phát triển các trung tâm theo cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm. Nhiều TTHTCĐ với chức năng của mình trong thời gian qua đã trở thành một trong những địa điểm học tập suốt đời của người dân trong cộng đồng. Tuy nhiên, dù phát triển nhanh về số lượng nhưng hiệu quả hoạt động của các TTHTCĐ còn tồn tại nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được rộng rãi nhu cầu học tập của người dân và sự phát triển của chính các TTHTCĐ (Nguyễn Đức Minh, 2021). Để đưa ra các giải pháp phát triển, không thể thiếu những nghiên cứu về mô hình TTHTCĐ của các nước có bối cảnh tương đối giống nước ta nhằm rút ra những kinh nghiệm phù hợp trong vấn đề phát triển bền vững các TTHTCĐ ở Việt Nam. Myanmar là một đất nước thuộc ASEAN, có số lượng TTHTCĐ thuộc nhóm đầu của khu vực, với hơn 3.000 trung tâm (Le, 2018). Các TTHTCĐ ở đất nước này được xem là mô hình hiệu quả để thực hiện giáo dục không chính quy nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khác nhau như: trẻ em, thanh niên và người lớn để có cơ hội học tập từ cơ bản đến dạy nghề, các chương trình tạo thu nhập và các chương trình cải thiện cuộc sống khác. Các TTHTCĐ này đóng vai trò là một trung tâm học tập tốt, nơi những người nghèo khó có thể tiếp cận các hoạt động phù hợp với nhu cầu của họ, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực trong cộng đồng.

Bài báo trình bày về mô hình TTHTCĐ ngoài công lập của Myanmar qua việc tìm hiểu về bối cảnh ra đời, khung pháp lí - chính sách, việc quản lí điều hành, tài chính - cơ sở vật chất - trang thiết bị của TTHTCĐ ngoài công lập cũng như vấn đề về người dạy, người học, các chương trình học tập, sự tham gia phối hợp của các lực lượng trong cộng đồng và đánh giá, công nhận kết quả học tập. Kết quả của nghiên cứu giúp rút ra một số bài học kinh nghiệm cho việc phát triển các mô hình cơ sở giáo dục cộng đồng ở Việt Nam, trong đó có TTHTCĐ.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Mô hình trung tâm học tập cộng đồng ngoài công lập của Myanmar

Hiện nay, chưa có khái niệm rõ ràng về mô hình TTHTCĐ ngoài công lập. Sự khác biệt giữa mô hình công lập và ngoài công lập chủ yếu thể hiện qua việc quản lí (ví dụ như được hỗ trợ và quản lí bởi cộng đồng địa phương, các tổ chức phi chính phủ hoặc các công ty tư nhân) (UNESCO 2008, 2011, 2013). Kết quả nghiên cứu dưới đây mô tả các thành tố của mô hình TTHTCĐ ở Myanmar có yếu tố ngoài công lập như quan niệm vừa nêu.

2.1.1. Bối cảnh ra đời

Tầm nhìn về giáo dục ở Myanmar là tạo ra một hệ thống giáo dục có thể hình thành nên một xã hội học tập. Bộ Giáo dục Myanmar (Ministry of Education - MoE) chịu trách nhiệm chính về tất cả các hình thức giáo dục ở Myanmar. Theo truyền thống, các tu viện với dấu ấn rộng lớn của họ trên khắp đất nước Myanmar đã là một nhà cung cấp dịch vụ chính và lâu dài cho giáo dục không chính quy. Tuy nhiên, phụ nữ và trẻ em gái hầu như không thể tiếp cận với giáo dục tu viện (Middelborg, 2002). Cơ sở hạ tầng yếu kém và chất lượng của hệ thống phân phối là những thách thức bổ sung đặt ra đối với việc cung cấp giáo dục không chính quy.

Phương pháp tiếp cận có hệ thống đối với giáo dục không chính quy đã được áp dụng ở Myanmar kể từ sau khi độc lập với mục tiêu phần nào đó lấp đầy khoảng cách đối với giáo dục chính quy và đảm bảo việc học liên tục, với Cục Nghiên cứu Giáo dục Myanmar (DMERB) được chỉ định là cơ quan đầu mối. Trong bối cảnh của Myanmar, giáo dục không chính quy đề cập đến bất kỳ hoạt động giáo dục có tổ chức nào nằm ngoài cấu trúc của hệ thống trường học chính quy nhằm cung cấp các hình thức học tập được lựa chọn cho các nhóm nhỏ trong dân số, đặc biệt là người lớn và thanh thiếu niên ngoài trường học (Triangle Social Studies Group, 2013).

Hợp phần TTHTCĐ lần đầu tiên được giới thiệu tại Myanmar vào năm 1994 như một phần nhỏ của dự án giáo dục thuộc chương trình Sáng kiến Phát triển Con người (HDI) của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Trong giai đoạn đầu của dự án giáo dục HDI (HDI-1), 7 trung tâm đã được thành lập và trong các giai đoạn tiếp theo, (HDI-2 và HDI-3) đã có thêm nhiều trung tâm nữa, tổng cộng 71 trung tâm tồn tại vào cuối năm 2001 tại 11 thị trấn thuộc 3 vùng KT-XH khác nhau. Đặc điểm chung của 11 thị trấn là ở vùng xa xôi, hẻo lánh, thất nghiệp, thiếu việc làm, tỉ lệ dịch bệnh và lưu ban ở cấp tiểu học cao cũng như một số lượng đáng kể trẻ em bỏ học (Le, 2017).

Không như giáo dục chính quy, Chính phủ Myanmar không phân bổ nguồn lực cũng như GV cho giáo dục không chính quy. Do đó, các TTHTCĐ được thành lập theo sáng kiến của cộng đồng với sự hỗ trợ từ dự án giáo dục. Chúng hoạt động chủ yếu nhờ vào sự tham gia của một số tình nguyện viên từ cộng đồng. Các TTHTCĐ nhận được sự hỗ trợ của các cán bộ dự án, 11 Điều phối viên Học tập Cộng đồng và 3 chuyên gia khu vực miền, được duy trì nhờ lợi ích của các hoạt động tạo thu nhập do dự án giáo dục thuộc chương trình HDI tài trợ. Theo đó, các TTHTCĐ được thành lập vào năm 1995 nhằm đảm bảo việc học tập liên tục và sự phát triển của cộng đồng, phần lớn dành cho những người bên ngoài trường học, với quan niệm “Bồi họ, Với họ, Vì họ” (Triangle Social Studies Group, 2013).

2.1.2. Khung pháp lý và chính sách

Khẩu hiệu về TTHTCĐ “Bồi họ, Với họ, Vì họ” là chiến lược tổng thể cho việc thực hiện TTHTCĐ ở Myanmar. Mặc dù các chính sách kế tiếp đã bao trùm giáo dục không chính quy theo nghĩa rộng nhưng chưa có chính sách và hướng dẫn rõ ràng, cụ thể nào được xây dựng để thực hiện TTHTCĐ. Mặc dù có những hướng dẫn hoạt động cho trung tâm do DMERB và Trung tâm nguồn lực về đọc viết Myanmar (MLRC) phát triển, tuy nhiên khái niệm về TTHTCĐ vẫn còn mơ hồ giữa các bên liên quan bao gồm các cơ quan thực hiện và các tổ chức hỗ trợ (Triangle Social Studies Group, 2013). Việc thiếu một chính sách bao trùm để điều phối tất cả các phân ngành giáo dục và đặt ra khung chính sách cho giáo dục không chính quy là thách thức đối với các bên liên quan. Theo quan điểm của Hiệp hội Tình nguyện viên Shanti (SVA), với tư cách là một tổ chức phi chính phủ, mục tiêu của họ là các lĩnh vực giáo dục không chính quy, tuy nhiên việc không biết rõ ràng về hướng chính sách khiến SVA đang tạm dừng liên quan đến các kế hoạch của họ cho các TTHTCĐ (Le, 2017). Về phía các cán bộ giáo dục thị trấn, mặc dù được chỉ định để hỗ trợ các TTHTCĐ trong khu vực tại địa phương của họ nhưng việc thiếu các hướng dẫn và chỉ dẫn thích hợp khiến họ khó hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ngay cả ở cấp quốc gia, không có chính sách cụ thể nào được đưa ra để thể chế hóa các TTHTCĐ một cách hợp lý và cung cấp sự hỗ trợ cho họ (Triangle Social Studies Group, 2013).

Vì vậy, trên thực tế, mặc dù các TTHTCĐ được thành lập nhằm mục đích đảm bảo sự phát triển cộng đồng và xóa mù chữ trên toàn quốc nhưng hoạt động của các trung tâm này gặp nhiều khó khăn do các nhà hoạch định chính sách vẫn chưa xây dựng được căn cứ pháp lý cụ thể cho việc phát triển các TTHTCĐ tại Myanmar.

2.1.3. Quản lý điều hành

Các TTHTCĐ chịu sự quản lý của MLRC (MoE, 2013). MLRC ban đầu là một đơn vị thuộc DMERB - cơ quan đầu mối của Chính phủ về các hoạt động giáo dục không chính quy. Năm 2005, MLRC được tách ra khỏi văn phòng để trở thành một tổ chức phi chính phủ độc lập tập trung vào phát triển giáo dục không chính quy. Tuy nhiên, nó vẫn duy trì sự hợp tác chặt chẽ với Bộ Giáo dục Thay thế (DAE) mới được thành lập trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục không chính quy và TTHTCĐ. Về mặt lý thuyết, MLRC thực hiện việc hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho các Ủy ban Giáo dục cấp Thị trấn và Ban quản lý TTHTCĐ tại địa phương đó. Ban quản lý TTHTCĐ được thành lập tại địa phương với thành viên chính là những dân làng, họ chịu trách nhiệm quản lý các TTHTCĐ dưới sự hướng dẫn của

Ủy ban Giáo dục cấp Thị trấn và MLRC. Dưới quyền Ban quản lý TTHTCĐ sẽ là các Tiểu ban phụ trách các nhóm chương trình khác nhau để triển khai các hoạt động nhằm giải quyết các nhu cầu của người dân tại địa phương (MoE, 2013). Tuy nhiên, do thiếu ngân sách trầm trọng, ngay cả khi có sự hỗ trợ kỹ thuật của MLRC, nhiều TTHTCĐ ở Myanmar chỉ có thể hoạt động với sự hỗ trợ tài chính của các tổ chức bên ngoài (ví dụ các tổ chức phi chính phủ).

Sự tham gia và làm chủ của cộng đồng là một chỉ số đáng tin cậy cho sự thành công của một TTHTCĐ (UNESCO, 2011). Cả MLRC và SVA đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự làm chủ của cộng đồng trong dự án TTHTCĐ ở Myanmar. Đó là nguyên tắc cơ bản kể từ khi họ bắt đầu làm việc với cộng đồng (Le, 2017).

Trong quá trình thành lập TTHTCĐ, mặc dù các thành viên trong cộng đồng được tham gia vào ngay từ đầu, tuy nhiên bản thân họ cũng chưa được giới thiệu hay tập huấn rõ ràng về chức năng, vai trò của các trung tâm này đối với cộng đồng địa phương. Kết quả điều tra của một nhóm nghiên cứu về giáo dục của Myanmar đã giải thích được vấn đề này, đó là trên thực tế, khi thành lập các TTHTCĐ, người quản lý của các thôn/làng kêu gọi các thành viên trong cộng đồng và yêu cầu họ tham gia vào Ban quản lý TTHTCĐ. Vì vậy, trong hầu hết trường hợp, những người tham gia này không hẳn là tự nguyện (Triangle Social Studies Group, 2013). Tuy nhiên, họ vẫn sẵn sàng đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng. Cũng theo nghiên cứu này, phần lớn các thành viên trong cộng đồng không nhận thấy được rằng các TTHTCĐ thuộc về họ. Điều này một phần có thể là do cộng đồng không được tham vấn khi các TTHTCĐ khởi xướng các hoạt động và ra quyết định một cách quan liêu.

Điểm tích cực về sự tham gia của cộng đồng tại các TTHTCĐ ở Myanmar đó là bên cạnh SVA (tổ chức hỗ trợ tài chính cho các trung tâm), một số thành viên trong cộng đồng đã tự nguyện quyên góp tạp chí, sách báo, tiểu thuyết của họ cho thư viện. Sự ủng hộ của người dân tại địa phương cho TTHTCĐ cũng đã được ghi nhận với việc đóng góp dưới các hình thức phi vật chất. Ví dụ: một số dân làng, thay vì tiền mặt và hiện vật, họ đã đóng góp thời gian cá nhân, sức lao động hoặc bắt cứ điều gì mà họ có khả năng vì sự cải thiện của các ngôi làng ở Myanmar.

Nhìn chung, các TTHTCĐ ở Myanmar được điều hành và quản lý trực tiếp bởi Ban Quản lý TTHTCĐ với thành viên chính là những dân làng dưới sự hướng dẫn của Ủy ban Giáo dục cấp Thị trấn và MLRC. Tuy nhiên, trên thực tế, những dân làng tham gia vào Ban Quản lý đó chủ yếu là các nhân vật nổi bật trong cộng đồng (ví dụ như người quản lý của làng, hiệu trưởng trường học về hưu,...) và chính họ là những người ra quyết định về các hoạt động của TTHTCĐ. Điều này không thuận lợi cho quan điểm thành lập các trung tâm là “Bởi họ, Với họ, Vì họ” (không có sự tham vấn trực tiếp của cộng đồng - những đối tượng hưởng lợi từ các hoạt động được tổ chức).

2.1.4. Giáo viên/hướng dẫn viên

GV dạy chữ thôn/làng (VLT) là những người tình nguyện do Ban Quản lý TTHTCĐ tuyển dụng (Middelborg, 2002). Một số hướng dẫn áp dụng cho việc lựa chọn VLT là: - Ứng cử viên nên được lựa chọn từ cộng đồng để phục vụ lợi ích của cộng đồng một cách tốt nhất; - Ứng viên phải được cộng đồng chấp nhận; - Nền tảng và thái độ của ứng viên phải phản ánh sự quan tâm đến việc giảng dạy và cống hiến tình nguyện cho cộng đồng; - Nên khuyến khích các ứng viên nữ; - Ứng viên phải tốt nghiệp từ lớp 8 trở lên; - Ứng viên phải từ 20 tuổi trở lên.

Trước khi tham gia giảng dạy tại TTHTCĐ, các VLT được đào tạo trong khoảng 5 đến 7 ngày (tùy khu vực). Các VLT làm việc trên tinh thần tự nguyện và không nhận lương. Tuy nhiên, Ban Quản lý TTHTCĐ có thể quyết định trao cho họ một số tiền nhỏ được trích từ các nguồn tài chính của trung tâm.

Các TTHTCĐ cũng tuyển dụng các hướng dẫn viên/chuyên gia tình nguyện ở nhiều lĩnh vực khác như y tế, thú y hoặc dệt vải, nông nghiệp, thủ công mỹ nghệ địa phương hay ca múa nhạc truyền thống,... Trước khi tuyển dụng các chuyên gia/hướng dẫn viên từ bên ngoài thôn/làng để đào tạo cho các thành viên cộng đồng, Ban Quản lý TTHTCĐ sẽ tận dụng nguồn lực ở địa phương. Tuy nhiên, nếu không tìm được người phù hợp, họ sẽ cần đến sự hỗ trợ từ những nơi khác. Thực tế, các chuyên gia địa phương này có kiến thức sâu sắc về lĩnh vực của họ và thường sẵn sàng chia sẻ kiến thức của họ và cung cấp thông tin, đào tạo miễn phí cho cộng đồng (Middelborg, 2002). Những người cao tuổi là nguồn lực đặc biệt cho các TTHTCĐ. Họ rất tích cực tham gia vào các hoạt động của trung tâm và khi đóng vai trò là hướng dẫn viên họ sẵn sàng chia sẻ các kỹ năng và kinh nghiệm của bản thân. Mặc dù họ có thể không biết chữ nhưng họ thường có kiến thức và kinh nghiệm địa phương sâu rộng.

Nhìn chung, đội ngũ GV, hướng dẫn viên của TTHTCĐ là những người tình nguyện, tham gia và cống hiến miễn phí cho cộng đồng. Họ có thể là người địa phương, có thể là người nơi khác, có thể là người cao tuổi và có đặc điểm chung là có kiến thức, kỹ năng sâu sắc về lĩnh vực của họ.

2.1.5. Chương trình

Mục tiêu của TTHTCĐ là đóng góp vào sự phát triển cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân. Do vậy, việc chỉ nâng cao học vấn hoặc tăng thu nhập mà không cải thiện về kiến thức, kỹ năng và thái độ được

coi là chưa đủ và người ta nhấn mạnh vai trò của TTHTCĐ trong việc thực hiện các chương trình phục vụ cộng đồng (Middelborg, 2002). Một số chương trình chính được thực hiện tại TTHTCĐ là:

- *Chương trình xóa mù chữ* (đào tạo về đọc viết cơ bản) thực hiện từ 70-90 giờ và có thể kéo dài thêm do vấn đề khó khăn về ngôn ngữ (các nhóm dân tộc thiểu số không thông hiểu tiếng Myanmar). Các bài kiểm tra thành tích được thực hiện sau khi học viên hoàn thành khóa đào tạo về khả năng đọc viết để đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn bắt buộc.

- *Chương trình giáo dục sau khi biết chữ* sử dụng một phương pháp giáo dục linh hoạt dựa trên một gói gồm 48 tờ bao gồm hình minh họa, một đoạn văn bản và một đoạn trống để viết. Người học phải đọc văn bản, áp dụng câu chuyện tương tự vào tình huống cá nhân của họ và viết vào tờ giấy. Thông qua phương pháp tích cực này, người học rèn luyện các kỹ năng đọc, viết và xây dựng cho mình khả năng áp dụng vào tình huống thực tế của bản thân. Một khóa học như vậy kéo dài từ 3-5 tháng tùy theo thời gian mà người học có thể dành cho nó.

Theo nghiên cứu của Middelborg (2002), tất cả các TTHTCĐ đều tổ chức thực hiện giáo dục xóa mù chữ và sau khi biết chữ. Hầu hết những người mù chữ còn lại trong cộng đồng thuộc nhóm người trưởng thành (trên 45 tuổi). Về cơ bản, tài liệu xóa mù mà TTHTCĐ triển khai trong chương trình phù hợp với người học.

- Một mô hình hoàn toàn mới là *Giáo dục tiểu học không chính quy* (NFPE) ở Myanmar đã được phát triển theo HDI-E và HDI-3. Tài liệu chương trình giảng dạy đã được chuẩn bị và thử nghiệm, GV đã được tuyển dụng và đào tạo. Đây là một chương trình tương đương giáo dục tiểu học dành cho trẻ em ngoài nhà trường và những người đã bỏ học ở tiểu học. Thời gian học tập rất linh hoạt, thường là 2-3 giờ mỗi ngày trong khoảng thời gian 2 năm và thích ứng với lịch trình cuộc sống bận rộn của những người tham gia, những người thường xuyên phải làm việc. Thông qua NFPE, nhiều người học có cơ hội thứ hai để hoàn thành chu kỳ giáo dục tiểu học (thường mất 5 năm) và có thể nhận được sự công nhận chính thức cùng với những người tốt nghiệp giáo dục tiểu học chính quy, mặc dù Cục Giáo dục Cơ bản vẫn chưa thừa nhận rằng chứng nhận tốt nghiệp chính thức có thể được phát hành từ dự án thí điểm này. Nếu giấy chứng nhận tốt nghiệp được cấp, sẽ rất có ý nghĩa đối với người học, những người sau đó sẽ có cơ hội theo học cấp trung học. Người học trong TTHTCĐ thường bắt đầu với một khóa học đọc viết cơ bản, tiếp tục với giai đoạn sau khi biết đọc biết viết và sau đó tham gia vào chu trình NFPE (Middelborg, 2002).

- *Chăm sóc và phát triển trẻ em lứa tuổi mầm non (ECCD)*: Dự án hợp tác với Tổ chức Cứu trợ Trẻ em (Vương quốc Anh) đã khởi xướng một chương trình ECCD thí điểm cho trẻ em 3-5 tuổi nhằm tăng tỉ lệ nhập học và giảm tình trạng bỏ học ở trẻ em lứa tuổi đi học (những người phải chăm sóc em nhỏ ở nhà); giảm tình trạng quá tải ở các lớp học mầm non; cải thiện sự phát triển xã hội, tình cảm và nhận thức của trẻ em lứa tuổi mầm non; giải phóng các bậc cha mẹ nghèo khỏi gánh nặng chăm sóc con cái và giúp họ có thu nhập cần thiết để cải thiện điều kiện sống của gia đình. Dự án đã mở 46 trung tâm ECCD, 8 trong số đó do các TTHTCĐ chủ trì và tổ chức trong khi một số khác được thực hiện tại các nhà cộng đồng, trường học hoặc các địa điểm khác (Middelborg, 2002).

- *Chương trình đào tạo kỹ năng (nghề)*: Các buổi đào tạo kỹ năng khác nhau đã được tất cả các TTHTCĐ tổ chức để tăng cường khả năng “học để làm” của người dân. Những kỹ năng này đã nâng cao năng lực của người học, đây là điều kiện để mỗi cá nhân có thể kiếm thu nhập tốt hơn. Một số kỹ năng về các lĩnh vực đã được thực hiện bởi các TTHTCĐ bao gồm: + May, đan, dệt; + Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ địa phương; + Làm nón, chiếu, mái che, ... từ tre, nứa; + Bảo quản thực phẩm; + Cắt tóc; + Trồng cây và cải tiến kỹ thuật nông nghiệp; + Học tiếng Anh, đặc biệt là ở các khu du lịch.

- *Thông tin, truyền thông*: Mỗi TTHTCĐ thường tổ chức các buổi nói chuyện về một loạt các chủ đề mà cộng đồng quan tâm, hoặc một phần của cộng đồng (ví dụ như phụ nữ hoặc các bà mẹ trẻ). Những buổi nói chuyện này có thể đề cập đến vấn đề tiêm chủng, dinh dưỡng, sức khỏe và giáo dục trẻ nhỏ. Các chủ đề khác được đề cập cho các nhóm khác nhau là: sản xuất phân hữu cơ, chăn nuôi gà, thảo luận về các chủ đề tôn giáo, âm nhạc truyền thống, ... Chủ trì của những buổi nói chuyện này có thể là một người lãnh đạo ở địa phương, một bà đỡ, một công chức từ Bộ Nông nghiệp, một nhà sư hoặc một nghệ sĩ.

- *Chương trình tạo thu nhập*: Chương trình tạo thu nhập thực chất là việc gây dựng một quỹ đầu tư vào các hoạt động kinh tế của cộng đồng. Ví dụ: một phần quỹ có thể được sử dụng để mua và trồng thêm các loại cây như lúa, vừng, gừng và chăn nuôi thêm vịt, lợn, bò, ... Một phần quỹ có thể được sử dụng để hỗ trợ thương mại cho các sản phẩm địa phương như: tôm khô, ruốc cá, lá chè, trứng vịt lộn, ... Các cộng đồng thường thích chương trình tạo thu nhập này vì họ có thể nhìn thấy những lợi ích hữu hình trong một khoản thời gian ngắn (Middelborg, 2002).

2.1.6. Người học

Các TTHTCĐ được xem là mô hình hiệu quả để thực hiện giáo dục không chính quy nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khác nhau: trẻ em, thanh niên và người lớn để có cơ hội học tập từ đọc viết cơ bản đến dạy nghề, các

chương trình tạo thu nhập và các chương trình cải thiện cuộc sống khác. Như vậy, có thể thấy người học tại các TTHTCĐ là tất cả người dân trong cộng đồng đó, từ trẻ em lứa tuổi mầm non cho đến những người cao tuổi.

2.1.7. Tài chính, cơ sở vật chất, trang thiết bị

Hiện tại, các TTHTCĐ có được sự hỗ trợ tài chính đến từ một tổ chức phi chính phủ của Nhật Bản, Hiệp hội Tình nguyện viên Shanti (SVA), thông qua các văn phòng của họ tại Myanmar. SVA đã mở 2 văn phòng tại Myanmar vào năm 2014, một ở Yangon và một văn phòng còn lại ở Pyay (cách Yangon 280km về phía Tây Bắc, gần Padaung). Trong giáo dục, công việc của họ tập trung vào hoạt động thư viện và xây dựng trường học. SVA đã và đang xây dựng các trường học tu viện, tổ chức các dự án kỹ năng sống cho trẻ em bỏ học và các lớp học tổ chức vào ban đêm. Công việc của họ trong dự án Cải thiện Thư viện Công cộng bao gồm việc cung cấp sách cho thư viện và hỗ trợ kỹ thuật cho thủ thư (Shanti Volunteer Association, 2016).

Tổng ngân sách được phân bổ từ SVA cho dự án này là 7.561.500 kyats Myanmar, tương đương 5.585 đô la Mỹ, dự kiến sẽ được giải ngân trong vòng 3 năm. Các khoản chi bao gồm hỗ trợ viên danh dự/điều hành viên, chi phí bảo trì TTHTCĐ, chi phí mua mới sách, chương trình cho vay và chi phí hành chính cho MLRC (Le, 2017).

Về chương trình cho vay, tại mỗi trung tâm, SVA cung cấp một số tiền nhỏ. Chương trình này nhắm đến đối tượng là dân làng nghèo, những người cần đầu tư để cải thiện sinh kế của họ. Ban quản lý TTHTCĐ lựa chọn những người dân trong làng nhận khoản vay. Họ có thể sử dụng khoản vay cho mục đích của riêng mình và trả lại cho TTHTCĐ với lãi suất rất thấp (3% mỗi tháng so với lãi suất thông thường trong làng là 10% mỗi tháng). Các TTHTCĐ sử dụng thêm tiền lãi cho các hoạt động của họ.

Trong số tất cả các thành viên tham gia quản lý các hoạt động của TTHTCĐ ở cấp địa phương, chỉ có điều hành viên nhận một số tiền nhỏ dưới dạng thanh toán thù lao trong khi những người khác làm việc trên cơ sở tự nguyện. Các thành viên Ban Quản lý (điều hành viên) phải có mặt tại TTHTCĐ 5 giờ/ngày. Tiền trả ít hơn nhiều so với lương tối thiểu của một công chức (thấp hơn gần 2,5 lần). Vấn đề này thường được đưa ra trong các cuộc thảo luận với MLRC và ở cấp địa phương. Do đó, mặc dù sự hỗ trợ tài chính của SVA được cộng đồng đánh giá cao nhưng điều đó là không đủ (Le, 2017).

Tóm lại, tính bền vững về tài chính phụ thuộc vào khả năng của TTHTCĐ, đặc biệt là của Ban Quản lý trung tâm, trong việc huy động các nguồn lực từ bên ngoài và quan trọng nhất là từ các hoạt động tạo thu nhập của chính nó. Các hoạt động tạo thu nhập đã được chứng minh là có hiệu quả ở 90% trung tâm và lợi nhuận được sử dụng để duy trì các hoạt động của chương trình cũng như tạo thêm quỹ (Middelborg, 2002). Thực tế này cho thấy rằng người dân trong cộng đồng có niềm tin vào sự bền vững về tài chính trong tương lai của các TTHTCĐ vì hầu hết các thành viên Ban Quản lý trung tâm đều tận tâm với sự phát triển của cộng đồng nên phần lớn các TTHTCĐ có khả năng tự duy trì về mặt tài chính.

2.1.8. Sự tham gia, phối hợp của các lực lượng trong cộng đồng

Ngoài việc trực tiếp cung cấp các hoạt động thuộc lĩnh vực của mình, các Tiểu ban ở mỗi TTHTCĐ cũng giúp điều phối các hoạt động hoặc sự kiện của làng. Ví dụ: có trung tâm tổ chức các lớp học tại một tu viện dành cho trẻ em tiểu học địa phương tham dự trên cơ sở tự nguyện. Người dân trong cộng đồng cung cấp tiền lương cho GV và tiền giải khát cho trẻ em trong khi TTHTCĐ cung cấp đồ dùng dạy học, sách và đồ dùng học tập.

Một nhóm giảng viên bao gồm các chuyên gia từ DMERB, Trường Cao đẳng Giáo dục Yankin và Viện Giáo dục đã hợp tác với dự án TTHTCĐ trong việc điều chỉnh các chương trình và tài liệu được sử dụng trong các trung tâm.

2.1.9. Đánh giá, công nhận kết quả học tập

VLT có trách nhiệm đánh giá thành tích của người học bằng quan sát và bằng các bài kiểm tra trên giấy khi xét thấy cần thiết. Người học cũng tiến hành tự đánh giá và kiểm tra theo nhóm để các thành viên đánh giá lẫn nhau. Sau khi hoàn thành khóa học luyện chữ, VLT sẽ thu thập kết quả của các bài kiểm tra. Cuối cùng, thành viên Ban Quản lý TTHTCĐ và cán bộ giáo dục thị trấn đi thăm làng và đánh giá trình độ đọc viết của người học.

2.2. Một số khuyến nghị

Để thể chế hóa các TTHTCĐ và hỗ trợ các hoạt động của họ, đồng thời làm rõ vai trò, vị trí của các TTHTCĐ trong ngành giáo dục không chính quy cần xây dựng một chính sách quốc gia về giáo dục không chính quy toàn diện. Chính sách đó cũng có thể giúp cơ quan đầu mối của Chính phủ có nhận thức rõ ràng về TTHTCĐ, đồng thời giúp làm rõ việc phân bổ nguồn lực, hỗ trợ và giám sát việc thực hiện hoạt động ở TTHTCĐ, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các bên liên quan.

Do ngân sách dành cho giáo dục hạn chế, cơ quan quản lý sẽ vẫn cần các nguồn lực từ bên ngoài. Để đạt được mục tiêu này, cần tạo điều kiện cho các cơ quan của Liên Hợp quốc, các tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự tham gia vào quá trình lập kế hoạch và thực hiện giáo dục không chính quy và đặc biệt là giáo dục cộng đồng.

Cần xây dựng một cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan chính phủ, Liên Hợp quốc, các tổ chức phi chính phủ và nhóm xã hội dân sự. Việc này cũng cần được đưa vào khung chính sách và được đề cập một cách rõ ràng.

Các phát hiện trong nghiên cứu về TTHTCĐ ngoài công lập của Myanmar chỉ ra rằng, các trung tâm này không thể duy trì nếu không có sự hỗ trợ chuyên sâu, cần phải cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho họ cho đến khi hoạt động đầy đủ và bền vững, đồng thời cần thận trọng trong việc phụ thuộc quá nhiều vào sự hỗ trợ.

Vai trò của cán bộ giáo dục cấp địa phương cũng cần được phát huy trong việc giám sát và hỗ trợ việc thực hiện hiệu quả các hoạt động của TTHTCĐ.

Cần xây dựng mạng lưới thúc đẩy giữa các TTHTCĐ của các thôn/làng khác nhau trong cùng một địa phương. Từ loại mạng lưới như vậy, các TTHTCĐ có thể được hưởng lợi bằng cách học hỏi lẫn nhau.

Sự tham gia của các thành viên cộng đồng là rất quan trọng đối với hoạt động thường xuyên hoặc bền vững của các TTHTCĐ, cần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng thông qua vận động cộng đồng. Việc chứng nhận, công nhận và công nhận các khóa đào tạo cần được xem xét để khơi dậy lợi ích của cộng đồng trong các hoạt động của trung tâm.

Vai trò hoặc vị trí của các thành viên Ban Quản lý nên được phân cấp nhiều hơn. Các thành viên bình thường của cộng đồng cũng nên đảm nhận các vai trò phù hợp trong Ban Quản lý để nâng cao sự tham gia và làm chủ của cộng đồng đối với các hoạt động của mỗi TTHTCĐ.

3. Kết luận

Các TTHTCĐ được xem là mô hình hiệu quả để thực hiện giáo dục không chính quy nhằm đáp ứng nhu cầu của các đối tượng khác nhau: trẻ em, thanh niên và người lớn để có cơ hội học tập từ cơ bản đến dạy nghề, các chương trình tạo thu nhập và các chương trình cải thiện cuộc sống khác. Các TTHTCĐ đã đóng vai trò là một trung tâm học tập tốt, nơi những người nghèo khó có thể tiếp cận các hoạt động phù hợp với nhu cầu của họ, góp phần tạo ra những thay đổi tích cực trong cộng đồng. Tuy nhiên, việc không đủ nguồn lực được coi là một điểm yếu lớn. Chỉ những TTHTCĐ nhận được sự hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ mới có thể hoạt động ở một mức độ nào đó. Nếu không có hướng dẫn rõ ràng, cơ sở vật chất, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính kể từ giai đoạn đầu thành lập, họ không thể thực hiện bất kỳ hoạt động nào cho cộng đồng nếu không có sự hỗ trợ từ bên ngoài. Nhìn chung, việc thành lập mạng lưới TTHTCĐ được hiểu là xây dựng cho các mục đích chia sẻ, nghĩa là chia sẻ kiến thức, huy động tài nguyên và tổ chức các hoạt động vì sự phát triển cộng đồng. Hơn nữa, mọi người được khuyến khích cùng nhau vì lợi ích chung của thôn, bản thông qua các hoạt động của trung tâm.

Nghiên cứu đã chỉ ra những ưu điểm trong cách vận hành cũng như tổ chức các hoạt động học tập cho người dân tại cộng đồng của các TTHTCĐ ở Myanmar, song mô hình TTHTCĐ này vẫn chưa tách biệt rõ ràng vấn đề công lập hay ngoài công lập. Khía cạnh ngoài công lập ở đây có thể nhấn mạnh đến vai trò của các tổ chức phi chính phủ trong các hoạt động chính là cung cấp tài chính và kỹ thuật như SVA và MLRC hỗ trợ cho các TTHTCĐ thực hiện hiệu quả các hoạt động học tập cho người dân ở cộng đồng và góp phần phát triển bền vững cho chính các trung tâm này. Chúng tôi mong rằng, kết quả của nghiên cứu sẽ góp phần làm cơ sở lý luận cho các nhà quản lý giáo dục, các nhà nghiên cứu giáo dục đề xuất các biện pháp phát triển bền vững mô hình TTHTCĐ tại Việt Nam trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2014). *Quyết định số 10/VBHN-BGDĐT ngày 14/3/2014 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn*.
- Le, A. T. P. (2017). *The contributions of community learning centres to personal and community development: A case study of three centres in Padaung, Myanmar*. Universitetet I Oslo. <http://urn.nb.no/URN:NBN:no-60658>
- Le, A. T. P. (2018). The contributions of community learning centres (CLCs) to personal and community development in Myanmar. *International Review of Education*, 64, 607-631. <https://doi.org/10.1007/s11159-018-9721-2>
- Middelborg, J. (2002). *Myanmar: The Community Learning Centre Experience*. UNESCO Asia and Pacific Regional Bureau for Education.
- MoE (2013). *Comprehensive Education Sector Review (CESR) - Phase 1: Rapid Assessment Report*.
- Nguyễn Đức Minh (2021). Thực trạng hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 46, 1-7.
- Shanti Volunteer Association (2016). *Annual Report 2015*. <http://sva.or.jp/english/pdf/report2015.pdf>
- Triangle Social Studies Group (2013). *Research study on community learning centres in Myanmar*. Myanmar Education Consortium.
- UNESCO (2008). *Community learning centres: Country report from Asia*. UNESCO Bangkok.
- UNESCO (2011). *Sustainability of Community Learning Centres: Community Ownership and Support*. UNESCO Bangkok.
- UNESCO (2013). *Community learning centres: Asia-Pacific regional conference report 2013*. UNESCO Bangkok.